

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản ngày 03/10/2022 của Hộ gia đình bà Vũ Thị Hoa về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Trang trại tổng hợp (Chăn nuôi gà) tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa và văn bản ngày 10/4/2023 của Hộ gia đình bà Vũ Thị Hoa về việc hoàn thiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường của dự án: Trang trại tổng hợp (Chăn nuôi gà quy mô 60.000 con/lứa) tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 298/TTr-STNMT ngày 17 tháng 4 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Hộ gia đình bà Vũ Thị Hoa, địa chỉ tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Trang trại tổng hợp tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án:**

1.1. Tên dự án: Trang trại tổng hợp tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Chủ đầu tư: Hộ gia đình bà Vũ Thị Hoa

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Chăn nuôi gà.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích dự án: 19.656 m<sup>2</sup>.

- Công suất: Công suất chăn nuôi: 60.000 con gà thịt/lứa (180.000 con/năm); Công suất điện mặt trời áp mái nhà: 0,99 MW

- Công nghệ sản xuất:

+ Công nghệ chăn nuôi: Theo mô hình chăn nuôi công nghiệp trên nền đệm lót sinh học: Giống gà thịt 1 ngày tuổi → Úm gà → Chăm sóc, nuôi dưỡng → Xuất chuồng.

- Công nghệ sản xuất điện: Bức xạ nhiệt mặt trời → Tấm Pin mặt trời → Bộ inverter chuyển đổi điện → Lưới điện của khu vực → Cấp điện cho trang trại.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu quản lý nước thải sinh hoạt và sản xuất công nghiệp và bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với mùi, tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ gia đình bà Vũ Thị Hoa:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ gia đình bà Vũ Thị Hoa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và

phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 30 tháng 4 năm 2023 đến ngày 30 tháng 4 năm 2033).

**Điều 4.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Yên Định và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

**Nơi nhận:**

- Hộ gia đình bà Vũ Thị Hoa;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Yên Định (để theo dõi);
- UBND xã Định Hòa;
- Các đơn vị liên quan
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**PHỤ LỤC 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn khí thải số 1: Khí thải (mùi) phát sinh từ các chuồng nuôi tại khu vực phía cuối dãy các chuồng nuôi của trang trại.
- Nguồn khí thải số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ khu vực phía cuối dãy các chuồng nuôi của trang trại qua quạt hút và hệ thống phun sương và lưới chắn xử lý mùi ra môi trường có tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^{\circ}$  múi chiều  $3^{\circ}$ ): X = 2208142.10 (m); Y = 573651.00 (m)
- Dòng khí thải số 02: Khí thải của máy phát điện dự phòng được thu gom, xử lý qua hệ thống tích hợp theo máy phát điện, thải qua ống khói ra môi trường có tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^{\circ}$  múi chiều  $3^{\circ}$ ): X = 2208083.13 (m); Y = 573760.61(m).

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng không xác định.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 918,4 m<sup>3</sup>/h.

**2.3. Phương thức xả thải:**

- Dòng khí thải số 1: Mùi, khí thải được ra môi trường qua hệ thống quạt hút phía cuối mỗi chuồng nuôi, xả liên tục 24/24h trong thời gian nuôi.

Dòng khí thải số 2: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói tích hợp theo máy phát điện ra môi trường, xả không thường xuyên (chỉ xả thải khi vận hành máy phát điện dự phòng).

**2.4. Chất lượng khí thải sau xử lý:**

- Dòng khí thải số 01: Phải đảm bảo chất lượng khí thải của nguồn tiếp nhận (không khí xung quanh sau các chuồng nuôi) có giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đáp ứng theo quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Dòng khí thải số 2: Khí thải ra môi trường phải đảm bảo có các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải đáp ứng theo quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, Kp = 1,0 và Kv = 1,2), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1200		
3	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	1020		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

#### 1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Đối với khí thải của máy phát điện dự phòng được thu gom, xử lý và xả ra môi trường qua ống khói cao 4m kèm theo máy phát điện dự phòng ra môi trường.

- Đối với khí thải (mùi) tại các chuồng nuôi được thu gom bằng quạt hút khí cuối chuồng nuôi qua lưới chắn, xử lý mùi xả ra môi trường.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

##### 1.2.1. Đối với mùi, khí thải phát sinh từ khu vực chuồng nuôi

- Quy trình xử lý: Khí thải (mùi) từ chuồng nuôi → Hệ thống các quạt hút → Lưới chắn, xử lý mùi (phun nước có pha chế phẩm vi sinh giảm thiểu mùi vào lưới chắn) ở cuối chuồng nuôi → Môi trường xung quanh.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm khử mùi EM hoặc chế phẩm tương đương.

##### 1.2.1. Đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng:

- Quy trình xử lý: Khí thải → Thiết xử lý khí thải đồng bộ kèm theo máy phát điện dự phòng → Ống khói → Môi trường.

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

#### 1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Đối với khí thải của máy phát điện dự phòng: Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Đối với khí thải (mùi) từ chuồng nuôi từ hệ thống công, rãnh thu gom nước thải: Vận hành các công trình, thiết bị và thực hiện các biện pháp giảm thiểu đảm bảo khí thải (mùi) phát tán ra môi trường phải đảm bảo chất lượng không khí xung quanh đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

**PHỤ LỤC 2**  
**YÊU CẦU QUẢN LÝ NƯỚC THẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. NỘI DUNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

1.1. Nguồn nước thải phát sinh thường xuyên:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân, lưu lượng thải lớn nhất là 0,72 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình xử lý mùi chuồng nuôi, lưu lượng thải lớn nhất là 2,5m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

1.2. Nguồn nước thải không thường xuyên:

- Nguồn số 03: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng sau khi kết thúc mỗi lứa nuôi, lưu lượng thải lớn nhất là 17,73 m<sup>3</sup>/lần rửa.

- Nguồn số 04: Nước thải từ hồ khử trùng phương tiện vận chuyển ra vào trang trại, lưu lượng thải lớn nhất là 2,0 m<sup>3</sup>/lần thay.

- Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình rửa vệ sinh tấm pin mặt trời, lưu lượng thải lớn nhất là 30,0 m<sup>3</sup>/lần rửa.

**2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nước thải của dự án sau xử lý được dẫn về ao sinh học tái sử dụng cho tưới cây trong khuôn viên trang trại, không được xả nước thải ra môi trường.

2.2. Chất lượng nước thải: Chất lượng nước thải sau khi xử lý tại ao sinh học phải đảm bảo đạt yêu cầu “QCVN 01-195:2022/BNN&PTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng” trước khi tái sử dụng để tưới cho cây trồng, không thải ra nguồn tiếp nhận. Cụ thể như sau:

T	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn đề nghị cấp phép QCVN 01-95:2022/BNN&PTNT	Loại cây trồng được sử dụng
1	pH	-	5,5- 9	Các loại cây trồng
2	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	≤ 600	
3	Asen (As)	mg/l	≤ 0,1	
4	Cadimi (Cd)	mg/l	≤ 0,01	
5	Crom tổng số (Cr)	mg/l	≤ 0,5	
6	Thủy ngân (Hg)	mg/l	≤ 0,002	

7	Chì (Pb)	mg/l	$\leq 0,05$	
8	Ecoli	MPN/100 ml	$\leq 200$	Các loại cây trồng
			$> 200 - 1000$	Các loại cây trồng trừ cây rau, cây dược liệu hàng năm
			$> 1000 - 5000$	Cây lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày không sử dụng làm thực phẩm, thức ăn cho vật nuôi
			$> 5000$	Không được sử dụng cho các loại cây trồng

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý:

- Nước thải sinh hoạt bao gồm:

+ Nước thải từ tắm rửa, giặt giũ → Mương, công thu gom → Ao sinh học.

+ Nước thải nhà bếp → Hồ tách dầu, mỡ → Ao sinh học.

+ Nước thải nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Ống PVC, DN (110 – 160) → Ao sinh học.

- Nước thải chăn nuôi bao gồm:

+ Nước rửa vệ sinh chuồng trại sau khi kết thúc mỗi lứa chăn nuôi → Hệ thống rãnh thoát nước xung quanh chuồng nuôi → Bể lắng, khử trùng → Ao sinh học.

+ Nước thải từ hệ thống xử lý mùi sau chuồng nuôi → Mương thu gom → Ao sinh học.

- Nước rửa tấm pin năng lượng mặt trời → Ống PVC, DN (90 – 110) → Mương thu gom → Ao sinh học.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Ao sinh học → Tưới cây.

+ Nước thải nhà ăn → Hồ tách dầu mỡ → Ao sinh học → Tưới cây

+ Nước thải chăn nuôi → Bể lắng, Bể khử trùng → Ao sinh học → Tưới cây.

- Hóa chất sử dụng: Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt .

1.4. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt “QCVN 01-195:2022/BNN&PTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng” tại mục 2 phân A của phụ lục này.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hàng năm thực hiện hút bùn bể lắng, bể khử trùng;
- Hàng năm thực hiện nạo vét ao sinh học để đảm bảo dung tích chứa phục vụ cho tưới cây xanh của trang trại.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực và khi chủ đầu tư hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án.

2.3. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

2.4. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải tại ao sinh học (đầu ra).
- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo QCVN 01-195:2022/BNN&PTNT.

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải theo quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi tái sử dụng, không được xả thải ra môi trường dưới mọi hình thức, kể cả trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường theo bất kỳ hình thức nào.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải./.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Hoạt động của hệ thống quạt hút, giàn làm mát tại các chuồng nuôi gà thịt.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°): X = 2208083 (m); Y = 573760 (m).

- Nguồn số 02: Tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°): X= 2208142 (m); Y= 573651(m).

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ của hệ thống quạt hút hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Bố trí nhà để máy phát điện cách xa khu vực khu vực nhà điều hành, khu nhà nghỉ của công nhân. Khoảng cách đến các công trình trên tối thiểu là 10m.

1.3. Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại, khu vực phía sau chuồng nuôi nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải từ máy phát điện	Lỏng	15,0	17 02 03
2	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại (hóa chất/dầu mỡ)	Rắn	3,0	18 02 01
3	Chất thải lây nhiễm (Bơm kim tiêm đã qua sử dụng)	Rắn	2,0	13 02 01
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	4,5	16 01 06
5	Bao bì mềm (bao bì đựng thuốc thủy y)	Rắn	10	18 01 01
6	Thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa đựng thuốc sát trùng, chế phẩm khử mùi	Rắn	5,0	18 01 03
7	Hộp mực in thải	Rắn	0,5	08 02 04
7	Tấm pin mặt trời bị hư hỏng	Rắn	25	19.02.08
8	Bộ inveter hư hỏng	Rắn	89	19.02.06
9	Gà chết do dịch bệnh	Rắn	Không xác định	14 02 01
	<b>Tổng</b>		<b>154</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Phân gà và chất độn chuồng	747.810
2	Gà chết không do dịch bệnh	2.160
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>749.974</b>

### 1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt dạng hữu cơ	1,53
2	Chất thải rắn sinh hoạt dạng vô cơ	0,66
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>2,19</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy dung tích 60 lít, can 20 lít
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH có diện tích 6,0m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng. Khu vực để chất thải nguy hại sẽ được đóng kín, bên ngoài cửa có biển cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dẫn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Đối với gà chết do dịch bệnh, nghiêm cấm chủ dự án không được vận chuyển ra ngoài khu vực trang trại, đồng thời phải báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan Thú ý của địa phương để có phương án thu gom, tiêu hủy theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị thu gom: Chất thải rắn chăn nuôi (phân và chất độn chuồng) thu gom vào các bao bì sau khi kết thúc mỗi lứa chăn nuôi.

#### 2.2.2. Kho lưu chứa:

- Phân và chất độn chuồng sau khi thu gom vào các bao bì và bán cho các đơn vị sản xuất phân bón.

- Bố trí hố chôn lấp gà chết tại phía Nam khu đất có diện tích 30m<sup>2</sup> và thực hiện biện pháp chôn lấp theo quy định của ngành Chăn nuôi - Thú y.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thu gom vào các thùng có nắp đậy 30 lít, 60 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không

#### ***2.4. Chuyển giao chất thải***

- Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Việc vận chuyển chất thải chôn nuôi phải tuân thủ quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

#### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

## PHỤ LỤC 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy trình tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn chăn nuôi và chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải và chuồng trại làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.